

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
UBND QUẬN TÂN BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1639/QĐ-UBND

Tân Bình, ngày 03 tháng 10 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị
tỷ lệ 1/2000, Khu dân cư phường 1 – quận Tân Bình,
diện tích 36,26ha.

P. QUẢN LÝ ĐÔ THỊ TÂN BÌNH
HỒ SƠ LƯU TRỮ

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ vào Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07/4/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 137/2005/QĐ-UBND ngày 02/8/2005 của UBND Thành phố về thẩm quyền thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án QHCT xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 3348/QĐ-UBND ngày 04/8/2008 của UBND Thành phố về duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng quận Tân Bình;

Căn cứ Quyết định số 155/QĐ-UBND-ĐT ngày 03/11/2006 của UBND quận Tân Bình phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư phường 1, quận Tân Bình.

Căn cứ công văn số 1576/KQTĐ-SQHKT ngày 29/4/2008 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc về kết quả thẩm định đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư phường 1 - quận Tân Bình;

Xét nội dung hồ sơ đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phường 1, quận Tân Bình do Công ty TNHH Xây dựng Kiến trúc -miền Nam lập;

Xét tờ trình số 127/TTr-QLĐT(QHKT) ngày 18/9 /2008 của Phòng Quản lý đô thị quận Tân Bình về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (tỷ lệ 1/2000) Khu dân cư phường 1 – quận Tân Bình,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị Khu dân cư phường 1 – quận Tân Bình với các nội dung chính (đính kèm hồ sơ đề án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỉ lệ 1/2000) như sau:

1. Vị trí, quy mô và giới hạn phạm vi quy hoạch:

- Quy mô khu vực quy hoạch : 36,26ha.
- Vị trí và giới hạn phạm vi quy hoạch:
 - + Phía Đông : giáp quận Phú Nhuận.
 - + Phía Tây : giáp phường 2 theo đường Phạm Văn Hai.
 - + Phía Nam : giáp phường 3 quận Tân Bình theo đường Bùi Thị Xuân.
 - + Phía Bắc : giáp quận Phú Nhuận và phường 2 quận Tân Bình theo đường Nguyễn Văn Trỗi và đường Hoàng Văn Thụ.

2. Lý do và sự cần thiết phải lập đề án điều chỉnh quy hoạch:

Trước đây trên địa bàn phường 1, quận Tân Bình đã được Kiến Trúc Sư trưởng Thành phố phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 tại quyết định số 15037/KTST-QH ngày 16/12/1999. Tuy nhiên, thời gian qua việc tách quận Tân Bình cũ thành 2 quận mới: Tân Bình và Tân Phú; tốc độ đô thị hóa diễn ra rất nhanh đã thu hút nhiều dân cư từ các địa phương khác làm thay đổi cấu trúc kinh tế-xã hội, các chỉ tiêu cơ cấu sử dụng đất của quận Tân Bình. Đồng thời quy hoạch chi tiết giao thông một số tuyến đường trên địa bàn phường 1 kém tính khả thi, gây ảnh hưởng đến đời sống người dân, nên cần điều chỉnh lộ giới và cập nhật thêm các dự án giao thông cấp thành phố (tuyến đường trên cao dọc tuyến đường Bùi Thị Xuân). Bên cạnh đó, việc khai thác sử dụng quỹ đất tại các khu vực cải tạo chỉnh trang đô thị chưa đạt hiệu quả mong muốn. Do đó, khu vực phường 1, quận Tân Bình cần phải tiến hành nghiên cứu lập điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng cho phường, phù hợp với quy hoạch chung xây dựng đô thị và quy hoạch định hướng phát triển kinh tế xã hội của quận Tân Bình và Thành phố.

3. Mục tiêu của đề án điều chỉnh quy hoạch:

- Xác định cơ cấu phân khu chức năng, quỹ đất dành cho đầu tư xây dựng khu dân cư, các công trình hạ tầng kỹ thuật phù hợp với quy hoạch chung theo định hướng phát triển kinh tế xã hội của quận Tân Bình và các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất không chế làm cơ sở cho việc triển khai các dự án đầu tư xây dựng cụ thể.
- Xác định các khu vực chỉnh trang trong đô thị có khả năng thực hiện trong từng giai đoạn phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn quận (đến 2010, 2015, 2020), lưu ý kết nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị với dự án đầu tư đã được cấp thẩm quyền phê duyệt quy hoạch, nhằm tạo điều kiện phát triển giao thông cũng như toàn bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật toàn khu vực (như cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc...)

- Làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác quản lý đô thị và thực hiện kế hoạch sử dụng đất phù hợp với quy hoạch.

- Tăng hiệu quả sử dụng đất, thu hút đầu tư trong khu vực và trên địa bàn quận Tân Bình.

- Tạo điều kiện ở tốt, thoả mãn các yêu cầu chất lượng cao về không gian kiến trúc, môi trường, cơ sở hạ tầng...

- Cân đối các tiêu chuẩn quy phạm có thể áp dụng cho khu vực trên cơ sở định hướng quy hoạch chung quận Tân Bình và điều kiện hiện trạng sử dụng đất hiện nay.

4. Cơ cấu sử dụng đất và chỉ tiêu quy hoạch-kiến trúc:

P. QUẢN LÝ ĐÔ THỊ TÂN BÌNH
HỒ SƠ LƯU TRỮ

4.1 Cơ cấu sử dụng đất:

STT	Loại đất	Diện tích(ha)	Tỷ lệ (%)
A	Đất dân dụng	31,81	100
1.	Đất ở	19,25	60,52
	+ Đất ở hiện hữu	18,31	
	+ Đất ở dự kiến xây dựng mới	0,94	
2.	Đất công trình công cộng	4,39	13,80
	Đất công trình công cộng cấp phường	0,64	
	+ Đất giáo dục	0,38	
	+ Đất hành chính	0,10	
	+ Đất y tế	0,11	
	+ Đất văn hóa	0,05	
	Đất công trình công cộng cấp khu vực	3,75	
3.	Đất giao thông	7,81	24,55
4.	Đất cây xanh – Thể dục thể thao	0,36	1,13
B	Đất ngoài dân dụng	4,45	
	+ Đất CN – Kho bãi	1,11	
	+ Đất giao thông đối ngoại	3,15	
	+ Đất công trình tôn giáo	0,19	
Tổng cộng		36,26	

4.2 Chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc:

S T T	Loại chỉ tiêu	Đơn vị tính		
1	Dân số dự kiến (năm 2010)	người	13.800	
2	Mật độ xây dựng	%	45-55	
3	Tầng cao xây dựng	Tối đa	Tầng	14 (45m)
		Tối thiểu	Tầng	3
4	Chỉ tiêu sử dụng đất dân dụng	m ² /ng	23,05	
	+ Đất ở	m ² /ng	13,95	

	+ Đất CTCC (hạ tầng xã hội)	m ² /ng	0,46(giảm do không kể CTCC cấp khu vực)
	+ Đất cây xanh-TDĐT	m ² /ng	0,26
	+ Đất giao thông	m ² /ng	3,2 (không tính lộ giới đường < 12m)
5	Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật		
	+ Tiêu chuẩn cấp nước	lít/người/ngày	200
	+ Tiêu chuẩn thoát nước	lít/người/ngày	200
	+ Tiêu chuẩn cấp điện	kwh/người/năm	2000-2500
6	+ Tiêu chuẩn rác thải và vệ sinh môi trường	kg/người/ngày	1

5. Bộ cục phân khu chức năng:

5.1 Đất ở:

Tổng diện tích đất ở **19,25 ha**, chiếm **60,52%** đất dân dụng, bao gồm :
 - Đất ở hiện hữu: qui mô 18,31 ha, chiếm 95,12% đất ở, trong đó đa số là nhà liên kế phố, nhà liên kế vườn với:

- Mật độ xây dựng : khoảng 60-80%
- Tầng cao xây dựng: từ 2 – 6 tầng
- Hệ số sử dụng đất : 1,5 – 4,5

(đối với từng trường hợp cụ thể sẽ được xem xét theo các quy định quản lý kiến trúc hiện hành).

- Đất ở dự kiến chỉnh trang: qui mô 0,94 ha, chiếm 4,88% đất ở, bao gồm: 2 khu dự kiến xây dựng dự án dịch vụ - thương mại kết hợp chung cư cao tầng (đất hỗn hợp), trên khu đất của Công ty Giống cây trồng Miền nam, diện tích khoảng 0,59ha và khu đất của Công ty CP Khí tượng thủy văn diện tích khoảng 0,35ha với:

- Mật độ xây dựng : khoảng 40%
- Tầng cao xây dựng: 12-14 tầng (tối đa 45 mét hoặc có ý kiến của Cảng vụ Hàng không Miền nam)
- Hệ số sử dụng đất : khoảng 5

5.2. Đất công trình công cộng:

Tổng diện tích **0,64 ha**, chiếm **2,01%** diện tích đất dân dụng (không kể công trình công cộng cấp khu vực và trong các dự án xây dựng mới), bao gồm:

- UBND Phường 1 và Công an Phường 1
- Phòng LĐT BXH
- Trạm Y tế Phường 1
- Phòng VH TT - TDĐT
- Điểm sinh hoạt VH
- Trường Mầm non 1- Tân Bình
- Mẫu giáo 1A phân hiệu 1, 2
- Trường tiểu học Lê Văn Sĩ

5.3. Đất cây xanh – Thể dục thể thao:

Tổng diện tích **0,36** ha, chiếm **1,13%** diện tích đất dân dụng, bao gồm:

- Cây xanh vườn hoa trong các nhóm ở.
- Sân tập Câu lạc bộ 2-9.

5.4. Đất tôn giáo:

Các công trình tôn giáo giữ nguyên hiện trạng với qui mô **0,19 ha**, gồm:

- Chùa Viên Giác
- Chùa Phước Quang

5.5. Công nghiệp – TTCN:

Các cơ sở công nghiệp hiện hữu không gây ô nhiễm môi trường có qui mô khoảng 1,11ha, nằm xen cài trong khu dân cư được tạm giữ lại nhằm tạo việc làm, góp phần phát triển kinh tế địa phương. Trong giai đoạn phát triển tiếp theo, các khu đất công nghiệp – kho bãi này được định hướng chuyển đổi chức năng thành đất hỗn hợp, trong đó, ưu tiên dành một tỷ lệ đất thích hợp cho cây xanh, công viên và công trình công cộng (công trình giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao...) tạo không gian mở với môi trường sống tốt phục vụ cho sinh hoạt cộng đồng, bao gồm các khu đất của: Công ty giao thông 61, Công ty TV CTGTCC, Công ty cơ khí ngân hàng, Xí nghiệp dược thú y và Xí nghiệp Điện tử QKhu 7 (điện tử tin học).

P. QUẢN LÝ ĐÔ THỊ TÂN BÌNH
HỒ SƠ LƯU TRỮ

6. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan và thiết kế đô thị:

6.1 Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

- Tại khu vực dọc tuyến đường Lê Văn Sỹ, Phạm Văn Hai được định hướng phát triển với chức năng ở kết hợp thương mại – dịch vụ, xây dựng cao tầng.

- Đường Bùi Thị Xuân (có đường trên cao dự kiến) cần nghiên cứu khoảng lùi xây dựng và loại hình kiến trúc công trình phù hợp nhằm đảm bảo hài hòa không gian kiến trúc cảnh quan, an toàn giao thông và tránh ô nhiễm môi trường sinh hoạt của người dân trong khu vực.

- Tại các khu dân cư được xác định là hiện hữu chỉnh trang thực hiện theo các qui định quản lý kiến trúc của cấp thẩm quyền; các khu nhà ở thuộc dạng cư xá, các nhóm, khu nhà ở thuộc các dự án đầu tư xây dựng nhóm, khu nhà ở có quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 thực hiện theo quy hoạch chi tiết được duyệt hoặc đề xuất điều chỉnh trên cơ sở lập quy chế quản lý kiến trúc cấp 2 được cấp thẩm quyền phê duyệt (nếu có).

- Về chiều cao xây dựng công trình: sẽ được xem xét với tầng cao tối đa tùy theo định hướng phát triển không gian theo thiết kế đô thị tại từng khu vực, từng tuyến đường, trên cơ sở quyết định số 100/2003/QĐ-UBND ngày 20/6/2003 của UBND thành phố về qui định các bề mặt hạn chế chướng ngại vật của sân bay Tân Sơn Nhất (và ý kiến của Cảng vụ Hàng không Miền Nam đối với từng địa điểm cụ thể - nếu có). Ngoài ra, khu vực xung quanh trạm quan trắc khí tượng thủy văn Nam Bộ, việc xây dựng công trình cần có ý kiến của cơ quan

này về chiều cao xây dựng theo quy định chuyên ngành đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, nhằm đảm bảo hoạt động chuyên ngành của cơ quan này.

6.2 Thiết kế đô thị:

Trong thời gian tiếp theo cần nghiên cứu định hướng và lập thiết kế đô thị dọc tuyến đường và các khu vực sau:

- Đoạn đường Bùi Thị Xuân (có tuyến đường trên cao dự kiến)
- Trục đường thương mại – dịch vụ: Lê Văn Sỹ, Phạm Văn Hai, Hoàng Văn Thụ, Nguyễn Văn Trỗi

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

7.1. Quy hoạch giao thông:

Lộ giới các tuyến đường chính:

Stt	Tên đường	Lộ giới (m)	Chiều rộng (m)		
			Lề (m)	Lòng (m)	Lề (m)
1	Đường Lê Văn Sỹ	30	6	18	6
2	Đường Hoàng Văn Thụ (đoạn từ đường Nguyễn Văn Trỗi đến đường Phạm Văn Hai)	30	6	18	6
3	Đường Nguyễn Văn Trỗi	30	8	14	8
4	Đường Phạm Văn Hai	20	4,75	10,5	4,75
5	Đường Bùi Thị Xuân	30	4	22	4
6	Đường Nguyễn Trọng Tuyển	16	4	8	4
7	Đường Tân Canh	16	4	8	4
8	Đường dự phóng nội dài hẻm 357A Nguyễn Trọng Tuyển	12	2,5	7	2,5

Lưu ý:

- Việc thể hiện lộ giới quy hoạch giao thông nhỏ hơn 12m trên bản đồ quy hoạch giao thông chỉ mang tính chất tham khảo. Đối với đường có lộ giới nhỏ hơn 12m đã được xác định và công bố theo các quyết định của cấp có thẩm quyền sẽ được tiếp tục quản lý theo các quyết định đó. Đối với đường có lộ giới nhỏ hơn 12m chưa được xác định và công bố theo các quyết định của cấp có thẩm quyền, sẽ được xác định, công bố và quản lý căn cứ theo quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/07/2007 của UBND Thành phố về việc ban hành quy định về lộ giới và quản lý đường hẻm trong các khu dân cư hiện hữu thuộc địa bàn thành phố.

- Bán kính cong tại các giao lộ và phân chỉ giới xây dựng sẽ được nghiên cứu xác định cụ thể khi có thiết kế đô thị hoặc khi khai triển các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500, dự án cụ thể.

7.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

* Quy hoạch chiều cao (san nền):

+Cải tạo, hoàn thiện nền xây dựng của khu vực theo nguyên tắc bám sát cao độ nền hiện trạng.

+Cao độ nền không chế chung cho toàn bộ khu vực: $H_{xd} \geq 2,24m$ – Hệ cao độ VN 2000.

+Cao độ nền thiết kế tại các điểm giao cắt đường biến đổi từ 2,24m đến 5,75m.

* Quy hoạch thoát nước mưa:

P. QUẢN LÝ ĐÔ THỊ TÂN BÌNH

HỒ SƠ LƯU TRỮ

+Sử dụng mạng lưới thoát nước chung có hệ thống phân tách nước bản phía cuối nguồn xả, giữ lại cống hiện trạng đang phục vụ thoát nước hiệu quả cho khu vực gồm các cống $\varnothing 800$ trên đường Bùi Thị Xuân, Phạm Văn Hai, Lê Văn Sỹ và hệ thống cống nhánh hiện trạng dọc các hẻm.

+Xây dựng mới các tuyến cống chính liên khu vực theo Dự án thoát nước lưu vực Nhiêu Lộc – Thị Nghè, gồm: tuyến cống hộp B2000x3200 đường Nguyễn Văn Trỗi, cống hộp B2000x2500 đường Lê Văn Sỹ, cống $\varnothing 1200$ đường Phạm Văn Hai và $\varnothing 1500$ đường Bùi Thị Xuân.

+Đề xuất quy hoạch mới các tuyến cống chính khu vực với kích thước từ $\varnothing 600 \div \varnothing 1000$ dọc Hẻm 281 – Lê Văn Sỹ, hẻm 359 – Nguyễn Trọng Tuyển và đường Tân Canh.

+Nguồn thoát nước: theo các tuyến cống chính liên khu vực để dẫn về Kênh Nhiêu Lộc – Thị Nghè.

+Độ sâu chôn cống tối thiểu $H_c \geq 0,70m$; độ dốc cống tối thiểu đảm bảo khả năng tự làm sạch cống.

* Lưu ý:

– Với những tuyến cống chính thuộc Dự án xây dựng hệ thống thoát nước lưu vực kênh Nhiêu Lộc – Thị Nghè, được quản lý theo những số liệu cụ thể đã được xác định theo dự án nêu trên.

– Với các tuyến cống quy hoạch mới: khi nghiên cứu triển khai trong các giai đoạn thiết kế tiếp theo cần có điều chỉnh phù hợp với điều kiện hiện trạng thực tế của khu vực và đảm bảo các yêu cầu về luận chứng kinh tế, kỹ thuật.

7.3. Quy hoạch cấp điện:

+ Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt: 2500KWh/người/năm.

+ Nguồn điện: Được cấp từ trạm 110/15-22KV Tân Sơn Nhất, dài hạn sẽ được cấp từ trạm 110/15-22KV Tân Sơn Nhất 2.

+ Từng bước tháo gỡ các trạm biến áp có công suất nhỏ, vị trí không phù hợp với quy hoạch.

+ Xây dựng mới các trạm biến áp 15-22/0,4KV đặt trong nhà, có công suất đơn vị $\geq 400KVA$.

+ Cải tạo các tuyến 15KV hiện có lên 22KV. Dài hạn sẽ được thay thế bằng cáp ngầm.

+ Xây dựng mới các đoạn trung thế để cấp điện cho các trạm biến áp xây dựng mới, sử dụng cáp đồng, bọc cách điện XLPE, chôn ngầm trong đất.

7.4. Quy hoạch cấp nước:

+ Nguồn nước: Sử dụng nguồn nước máy thành phố dựa vào hiện trạng mạng lưới phân phối hiện hữu.

+ Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt: 200 lít/người/ngàyđêm.

+ Tiêu chuẩn cấp nước chữa cháy: 15 lít/s cho 1 đám cháy, số đám cháy xảy ra đồng thời cùng lúc là 2 đám cháy.

+ Tổng nhu cầu dùng nước: 5700 m³/ngày.

7.5. Quy hoạch thoát nước bản, rác thải và vệ sinh môi trường:

a. Thoát nước bản:

+ Giải pháp thoát nước bản: Sử dụng hệ thống thoát nước chung, nước thải sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, thoát ra hệ thống công chung và được tách ra bằng giếng tách dòng theo tuyến cống bao dọc kênh Nhiêu Lộc – Thị Nghè về trạm xử lý nước thải thành phố.

+ Chỉ tiêu thoát nước bản:

- Nước thải sinh hoạt: 200 lít/người/ngàyđêm.

- Nước thải công trình công cộng, dịch vụ: 25 lít/người/ngàyđêm.

- Nước thải sản xuất, tiểu thủ công nghiệp: 20 lít/người/ngàyđêm.

+ Tổng lượng nước thải toàn khu: 4560 m³/ngày

b. Rác thải và vệ sinh môi trường:

+ Tiêu chuẩn rác thải sinh hoạt: 1kg/người/ngày và công nghiệp 1 tấn/ha/ngày.

+ Tổng lượng rác thải sinh hoạt: 16 tấn/ngày.

+ Phương án xử lý rác thải: Rác thải được thu gom về bãi tập trung khu vực trước khi vận chuyển về khu xử lý rác thành phố.

7.6 Bản đồ tổng hợp đường dây đường ống:

Việc bố trí các hệ thống hạ tầng kỹ thuật có thể thay đổi trong các bước triển khai thiết kế tiếp theo (thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật thi công của dự án) đảm bảo theo yêu cầu kỹ thuật.

8. Một số lưu ý quan trọng khác khi triển khai quản lý quy hoạch:

Về qui mô dân số: với qui mô dân số của đồ án là 13.800 người (đến năm 2010) và 16.000 người (đến năm 2020) nên về lâu dài, để đảm bảo cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật phù hợp quy hoạch chung quận Tân Bình, cần kiểm soát và khống chế qui mô dân số trong phạm vi đồ án (các dự án phát triển nhà ở cần ưu tiên tái định cư tại chỗ). Đồng thời, tập trung chỉnh trang nâng tầng tại các khu vực nhà ở lụp xụp, xuống cấp, thay đổi mô

hình ở, nâng tầng cao xây dựng nhằm tạo thêm quỹ đất công trình công cộng phúc lợi xã hội, mảng xanh và tạo không gian mở với môi trường sống tốt phục vụ cho sinh hoạt cộng đồng cho khu vực.

P. QUẢN LÝ ĐÔ THỊ TÂN BÌNH
HỒ SƠ LƯU TRỮ

Điều 2.

1. Giao Phòng Quản lý đô thị phối hợp UBND Phường 1 chịu trách nhiệm công bố công khai đề án quy hoạch được phê duyệt trên trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định này.

2. Giao Phòng Quản lý đô thị phối hợp Phòng Tài nguyên – Môi trường và UBND Phường 1 chịu trách nhiệm quản lý việc sử dụng quỹ đất, quản lý xây dựng và kêu gọi đầu tư xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND quận Tân Bình, Trưởng phòng Quản lý đô thị, Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch, Trưởng phòng Tài nguyên & Môi trường, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình quận Tân Bình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 1 quận Tân Bình, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN
CHỦ TỊCH



Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND Thành phố;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Quy hoạch-Kiến trúc;
- Sở Xây dựng;
- Sở Kế hoạch-Đầu tư;
- TTQU, TTHĐND/Q, TTUBND/Q;
- Công ty Xây dựng Kiến trúc - miền Nam;
- Lưu.

Thái Thi Dư

1870
1871
1872

1873